TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 35/2025/QĐST-HNGĐ	*Lâm Hà, ngày 25 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

***Thư ký phiên họp*:** Ông Hoàng Rung K'Tuấn – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên họp*:** Bà Trần Duy Hoàng Thao – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 04/2025/TL-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc *"Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

+ Anh Lê Văn H1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và lời trình bày của người yêu cầu chị Phạm Thị Thu H và anh Lê Văn H1 thì: Ngày 16/8/2004, chị Phạm Thị Thu H và anh Lê Văn H1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo Giấy chứng nhận kết hôn chị H sinh ngày 13/10/1986 nhưng thực tế chị H sinh ngày 23/10/1987. Tại thời điểm chị H đăng ký kết hôn với anh H1, chị H chưa đủ tuổi nên việc kết hôn là trái pháp luật, không có sự trùng khớp về ngày, tháng, năm sinh; họ tên của chị H với căn cước công dân và các giấy tờ tùy thân khác gây nhiều khó khăn cho chị H trong cuộc sống và khi tiến hành làm các thủ tục giấy tờ liên quan khác. Đời sống hôn nhân của chị H và anh H1 đến nay cũng không hạnh phúc nên chị H và anh H1 thống nhất yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật để chị H và anh H1 ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị H và anh H1 xác định có 02 (hai) con chung là: Lê Nguyên H2, sinh ngày 31/5/2003; Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 29/11/2006. Hiện nay, các con đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh H1 xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh H1 xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị H và anh H1 không yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh về thủ tục kê khai đăng ký kết hôn của chị H và anh H1.

Tại phiên họp, chị H và anh H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu như trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp phát biểu ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo hướng chấp nhận đơn yêu cầu của chị H và anh H1; hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị H và anh H1.

Về con chung: Chị H và anh H1 xác định có hai con chung tên là Lê Nguyên H2, sinh ngày 31/5/2003; Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 29/11/2006. Khi ly hôn, chị H và anh H1 thống nhất các con chung đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, đề nghị Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh H1 xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, đề nghị Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh H1 xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Về lệ phí: Chị H tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự nên cần ghi nhận sự tự nguyện của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà nhận định:

[1] Theo trích lục kết hôn số 421/TLKH-BS ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L thể hiện chị Phạm Diệu H3, sinh ngày 13/10/1986 và anh Lê Văn H1, sinh ngày 01/9/1979 đăng ký kết hôn với nhau ngày 16/8/2004. Theo căn cước công dân thể hiện: chị Phạm Thị Thu H sinh ngày 23/10/1987. Đồng thời, căn cứ vào trích lục khai sinh; đơn đề nghị xác nhận ngày 02/6/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L; đơn trình bày của ông Phạm Xuân H4 (bố đẻ của chị Phạm Thị Thu H) thì chị Phạm Diệu H3, sinh ngày 13/10/1986 ghi trong trích lục kết hôn và chị Phạm Thị Thu H, sinh ngày 23/10/1987 là cùng một người và họ tên ngày tháng năm sinh chính xác là chị Phạm Thị Thu H, sinh ngày 23/10/1987. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên cũng như ý kiến

trình bày của người yêu cầu thì chị Phạm Thị Thu H có ngày tháng năm sinh chính xác là ngày 23/10/1987. Tuy nhiên, do không hiểu biết và để đủ tuổi kết hôn theo quy định nên chị Phạm Thị Thu H đã khai sinh không trùng khớp với trích lục khai sinh nên Ủy ban nhân dân thị trấn Đ đã làm thủ tục cho chị H và anh H1 đăng ký kết hôn. Đồng thời, do sơ xuất nên cán bộ đăng ký kết hôn ghi sai tên Phạm Thị Thu H thành Phạm Diệu H3. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, tại thời điểm chị H3 và anh H1 đăng ký kết hôn thì điều kiện kết hôn đối với nam là 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn. Như vậy, tại thời điểm chị H3 và anh H1 kết hôn ngày 16/8/2004 thì anh H1 đã đủ tuổi kết hôn nhưng còn chị H3 chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên việc Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L tiến hành đăng ký kết hôn cho chị H3 và anh H1 là trái với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Qua kết quả xác minh của Tòa án về thủ tục kê khai đăng ký kết hôn giữa chị H3 và anh H1 thì xác định: khi làm thủ tục kê khai đăng ký kết hôn chị H3 và anh H1 đã kê khai sai năm sinh của chị H3. Khi thực hiện đăng ký kết hôn giữa chị H3 và anh H1, do sơ xuất trong việc đối chiếu, kiểm tra các giấy tờ tùy thân liên quan nên Ủy ban nhân dân thị trấn Đ đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn giữa chị H3 và anh H1 vào ngày 16/8/2004 theo thứ tự đăng ký số 022/2004 không đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đến nay, cả chị H3 và anh H1 đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc và cùng thống nhất đề nghị Toà án hủy kết hôn trái pháp luật. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, Điều 11, Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm c khoản 2 Điều 4 TTLT 01/2016 ngày 06/01/2016 của TANDTC, VKSNDTC, BTP thì yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị H3 và anh H1 là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị H3 và anh H1.

Về con chung: Chị H3 và anh H1 xác định có hai con chung tên là Lê Nguyên H2, sinh ngày 31/5/2003; Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 29/11/2006. Khi ly hôn, chị H3 và anh H1 thống nhất các con chung đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H3 và anh H1 xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Về nợ chung: Chị H3 và anh H1 xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị Thu H tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ nên cần ghi nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149 và các Điều 366, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8; Điều 11; Điều 12 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 2; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc :*"Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật"* của chị Phạm Thị Thu H và anh Lê Văn H1.

Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị Thu H (Phạm Diệu H3) và anh Lê Văn H1.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị Thu H tự nguyện nhận chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005122 ngày 07/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Phạm Thị Thu H đã nộp đủ lệ phí.

- Quyền kháng cáo: Người yêu cầu có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Lâm Hà;
- UBND thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà;
- Những người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hạnh